TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **178**/2024/HS-PT
Ngày: 12/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Lê, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1288/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Hàng A T phạm tội "Gây rối trật tự công cộng"; Do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 78/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh L.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Hàng A T (tên gọi khác: không); Sinh năm 1985 tại tỉnh L; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản C, xã S, huyện T1, tỉnh L; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hàng A V (đã chết) và bà Hàng Thị L1, sinh năm 1968; Vợ: Sùng Thị M, sinh năm 1987; Con: Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/5/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L, đã được trả tự do ngay tại phiên tòa sơ thẩm (ngày 25/9/2023), hiện đang cư trú tại Bản C, xã S, huyện T1, tỉnh L. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hàng A T: Luật sư Đinh Thị Kim T2- Công ty Luật TNHH ă thành viên B, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Bà Sùng Thị M, sinh năm 1987; Trú tại: Bản C, xã S, huyện T1, tỉnh L. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng dân tộc cho bà Sùng Thị M: Ông Hàng A K, sinh năm 1991, số CCCD: Z, do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự cấp ngày 24/4/2021; địa chỉ: Bản C, xã S, huyện T1, tỉnh L. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Chang A T3, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác do không có kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 23/4/2023, Chang A P, sinh năm 2005 (là con trai của bị cáo Chang A T3) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát Z1 bị tai nạn do đâm vào xe ô tô biển kiểm soát Z2 do ông Lê Duy V1 điều khiển, hậu quả, Chang A P bị tử vong. Ngày 24/04/2023, gia đình Chang A T3 đã gặp Lê Duy V1 để thỏa thuận việc bồi thường, gia đình T3 yêu cầu ông V1 phải bồi thường 400.000.000 đồng nhưng ông V1 không đồng ý vì ông V1 cho rằng lỗi xảy ra tai nạn là do P, ông V1 chỉ đồng ý hỗ trợ từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Do hai bên không thống nhất được nên gia đình T3 không nhận số tiền hỗ trợ của ông V1 (thực tế kết quả khám nghiệm hiện trường, điều tra xác minh ban đầu xác định nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông là do Chang A P vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ). Sau đó, gia đình T3 đã làm thủ tục mai táng cho P theo phong tục của địa phương tại nhà ở bản C, xã S, huyện T1. Biết gia đình T3 tổ chức đám tang cho P, bị cáo Hàng A T là người cùng bản với bị cáo T3 cùng nhiều người dân trong bản đến nhà Chang A T3 giúp gia đình T3 tổ chức đám tang. Gia đình T3 thống nhất thời gian đưa Chang A P đi chôn cất vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 25/4/2023.

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 25/4/2023, Chang A T3 gọi điện thoại cho ông Giàng A C1- Trưởng Công an xã, ông Phạm Văn Đ- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S hỏi tại sao con trai của T3 bị chết do tai nạn giao thông mà gia đình người lái xe Lê Duy V1 không ai đến hỏi thăm, chia buồn với gia đình T3. Đồng thời, T3 nhờ chính quyền xã gọi gia đình người lái xe đến gặp gia đình T3 để giải quyết, nếu không gia đình T3 sẽ đưa quan tài Chang A P đến Ủy ban nhân dân xã để nhờ giải quyết. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày vẫn không thấy đại diện gia đình của người lái xe đến nên T3 bảo với mọi người phải đưa quan tài Chang A P xuống Ủy ban nhân dân xã S để nhờ chính quyền xã đứng ra giải quyết. Thấy gia đình T3 định đưa quan tài đến trụ sở xã S, ông Phạm Văn Đ- Chủ tịch Ủy ban nhân xã, ông Vàng A T4- Phó Bí thư đảng ủy xã, ông Giàng A C1- Trưởng Công an xã, ông Lò Văn S1- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã, ông Nguyễn Văn T5- Công chức địa chính xã, bà Trần Thị L2- Chủ tịch Hội Phụ nữ xã S đã giải thích cho Chang A T3 biết việc đưa quan tài Chang A P đến trụ sở xã là vi phạm pháp luật nhưng T3 không đồng ý mà vẫn hô hào mọi người đưa quan tài đến trụ sở xã S để gây áp lực, bắt buộc các cơ quan chức năng của xã S phải gọi lái xe Lê Duy V1 đến giải quyết. Lúc đầu, T3 có ý định sẽ chở quan tài của P bằng xe mô tô đến

trụ sở xã S thì Hàng A T đang có mặt ở đó nói: Đi bằng xe máy không được. Biết T có xe ô tô nên T3 bảo T về lấy xe ô tô đến chở quan tài Chang A P đến trụ sở xã S giúp gia đình, T đồng ý. T đi về nhà điều khiển xe ô tô biển kiểm soát Z3 là xe của vợ chồng T đến nhà T3. Do T cũng bức xúc cùng gia đình T3 nên T3 và T hô hào mọi người khiêng giúp quan tài của P lên thùng xe ô tô để chở đến trụ sở xã S. Nghe T3 và T nói, một số người dân trong bản đang có mặt đã cùng nhau vào khiêng quan tài của P và một số vòng hoa lên thùng xe ô tô của T. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi đưa quan tài và vòng hoa lên thùng xe ô tô xong, một số người leo lên thùng xe đứng cạnh quan tài, Hàng A T điều khiển xe ô tô đi về hướng trụ sở xã S, Chang A T3 điều khiển xe mô tô đi theo xe ô tô của T, nhiều người dân trong bản cũng điều khiển xe mô tô đi theo xe ô tô của T.

Đến 15 giờ 32 phút cùng ngày, Hàng A T điều khiển xe ô tô đến sân trụ sở xã S rồi đỗ lại ở giữa sân để mọi người trên thùng xuống xe, còn quan tài và vòng hoa vẫn để trên thùng. Chang A T3 điều khiển xe mô tô đến cổng trụ sở xã S thì để xe ở ngoài cổng rồi cùng những người đi cùng vào sân trụ sở. Khoảng 10 phút sau, do thời tiết nắng nên T điều khiển xe ô tô tới trước cửa nhà văn hóa xã để, rồi mở cửa xe đi xuống và lấy điện thoại của mình ra quay video lại sự việc mọi người dân đang tụ tập đông người ở sân trụ sở xã S. Trong lúc quay video, T còn có những lời nói kích động nhằm gây áp lực cho chính quyền xã để đòi hỏi yêu sách cho gia đình T3, còn T3 đi lại trong sân trụ sở, được các lãnh đạo, cán bộ của huyện T1 và xã S giải thích và động viên đem quan tài Chang A P về chôn cất nhưng T3 không đồng ý mà tiếp tục yêu cầu chính quyền xã S phải gọi lái xe Lê Duy V1 đến giải quyết. Khoảng 30 phút sau, chính quyền xã mời gia đình T3 lên phòng làm việc để trao đổi nhưng T3 không lên mà cử một số người đại diện gia đình lên trao đổi, còn T3 tiếp tục đi lại trong sân trụ sở yêu cầu chính quyền gọi lái xe Lê Duy V1 đến.

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, do vẫn chưa thấy lái xe Lê Duy V1 đến nên T3 bảo T điều khiển xe ô tô sang phía phòng một cửa để cho quan tài xuống. T lùi xe ô tô đến trước cửa phòng một cửa, T3 và T hô hào mọi người khiêng giúp quan tài của Chang A P đặt xuống sân cùng vòng hoa để trước cửa phòng một cửa, sau đó T điều khiển xe ô tô đi về. Đến khoảng 18 giờ 30 phút, mọi người dân đã đi về gần hết, chỉ còn lại T3 và một vài người trong gia đình ở lại để trông quan tài. Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, ông Phạm Văn Đ- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S nói với T3 về việc đã liên hệ được với lái xe Lê Duy V1 qua điện thoại, V1 nhờ chính quyền xã S bồi thường giúp V1 số tiền 50.000.000 đồng cho gia đình T3. Gia đình T3 nhờ chính quyền xã S tạm thời giữ số tiền này để chờ Cơ quan điều tra Công an huyện T1 có kết luận đối với vụ tai nạn giao thông giữa P và V1, đồng thời nhất trí đưa quan tài P về chôn cất. Đến 22 giờ 39 phút cùng ngày, Ủy ban nhân dân xã S đã thuê 01 xe ô tô tải khác chở quan tài và vòng hoa của Chang A P ra khỏi sân của trụ sở xã S để đi chôn cất.

Hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là: Trong khoảng thời

gian từ 15 giờ 32 phút đến 22 giờ 39 phút ngày 25/4/2023 toàn bộ trụ sở xã S gồm 12 người đang làm việc phải dừng toàn bộ công việc đang giải quyết vì không thể hoạt động được. Ngoài ra, còn làm cuộc họp của bản C2, xã S vào lúc 20 giờ ngày 25/4/2023, tại Nhà văn hóa xã S phải hoãn lại do sân trụ sở xã S vẫn còn đông người và các bị cáo chưa đưa quan tài ra khỏi sân trụ sở.

Về các vấn đề khác của vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hàng A T trình bày: 01 xe ô tô nhãn hiệu K1, biển kiểm soát Z3 kèm theo giấy tờ xe là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, bị cáo dùng xe ô tô trên để chở quan tài vợ bị cáo không biết; 01 điện thoại di động nhãn hiệu S2, màu đen, loại G là của bị cáo dùng để quay vi deo khi để quan tài tại trụ sở xã S và có lời nói nhằm gây áp lực cho chính quyền xã S.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã S là ông Phạm Văn Đ trình bày: Thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp lời khai của các bị cáo. Khi biết ý định của bị cáo Chang A T3 muốn đưa quan tài Chang A P xuống Ủy ban nhân dân xã S thì ông cùng với Vàng A T4, Giàng A C1, Lò Văn S1, Nguyễn Văn T5, Trần Thị L2 đã giải thích việc nếu đưa quan tài xuống xã là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo T3 không nhất trí. Sau khi các bị cáo đưa quan tài xuống xã, gia đình lái xe ô tô là ông Lê Duy V1 có nhờ Ủy ban nhân dân xã S thay mặt gia đình hỗ trợ tiền mai táng cho gia đình bị cáo T3 là 50.000.000 đồng, hiện gia đình bị cáo T3 đã nhận đủ số tiền trên. Ủy ban nhân dân xã S không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Duy V1 trình bày: Nguyên nhân Chang A P chết là do P vi phạm quy định khi tham gia giao thông nên đã đâm vào xe ô tô do ông đang điều khiển gây thiệt hại về tài sản cho ông là 12.250.000 đồng. Sau khi xảy ra tai nạn, gia đình ông ở xa nên đã nhờ Ủy ban nhân dân xã S hỗ trợ tiền mai táng 50.000.000 đồng cho gia đình bị cáo Chang A T3, hiện gia đình T3 đã nhận đủ số tiền trên nên ông không có ý kiến, yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị M trình bày: Xe ô tô nhãn hiệu K1, biển kiểm soát Z3 kèm theo giấy tờ xe là tài sản chung của bà và bị cáo Hàng A T. Bị cáo T sử dụng chiếc xe ô tô trên vào việc phạm tội bà không biết nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe ô tô trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của Toà án nhân dân tỉnh L quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Căn cứ thêm khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Hàng A T:

1. Tuyên bố bị cáo Hàng A T phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Hàng A T 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2023). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T1, tỉnh L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Hàng A T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 xe ô tô nhãn hiệu K1, biển kiểm soát Z3 kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu S2, màu đen, loại G.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh L và Cục Thi hành án dân sự tỉnh L vào hồi 15 giờ 15 phút ngày 10/7/2023).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt của bị cáo Chang A T3, quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2023 bị cáo Hàng A T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị M có đơn kháng cáo đề nghị trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu K1, biển kiểm soát Z3 là vật chứng của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Hàng A T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Sùng Thị M giữ nguyên kháng cáo đề nghị trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu K1, biển kiểm soát Z3 là vật chứng của vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu K1, biển kiểm soát Z3, chủ sở hữu đứng tên là ông Vàng A K2 do vợ chồng bị cáo Hàng A T mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên; số tiền mua xe ô tô này là 400.000.000 đồng; gia đình bị cáo T đã bán hết ruộng, đất được 300.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng gia đình đang vay Ngân hàng và đến nay cũng chưa trả hết tiền vay Ngân hàng. Chiếc xe này là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T, T sử dụng xe ô tô trên vào việc phạm tội vợ bị cáo là Sùng Thị M không biết; chiếc xe là nguồn thu nhập duy nhất để nuôi sống gia đình bị cáo; bị cáo vi phạm do quá lạc hậu, thiếu hiểu biết, do quá nhiệt tình, hành vi phạm tội của bị cáo không gây hậu quả nghiêm trọng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các quy định của Bộ luật dân sự và Luật Hôn nhân gia đình; xem xét hoàn cảnh của gia đình bị cáo, áp dụng thêm tập quán địa phương để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, tuyên trả lại chiếc xe ô tô cho bị cáo hoặc Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét đây là trường hợp đặc biệt để áp dụng đấu giá xe được bao nhiêu trả cho vợ bị cáo một nửa không tịch thu toàn bộ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và quyết định Hàng A T 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Gây rối trật tự công cộng" là phù hợp, Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T không kháng cáo về tội danh và hình phạt.

Xét xe ô tô nhãn hiệu K1, biển kiểm soát Z3 kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ là tài sản chung của vợ chồng Hàng A T, Sùng Thị M nhưng được sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên Tòa án sơ thẩm quyết định tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước là có căn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hàng A T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị M yêu cầu trả lại ½ giá trị xe phần bà Sùng Thị M. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử phúc thẩm, bị cáo Hàng A T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị M kháng cáo trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Do bức xúc về việc con trai của bị cáo Chang A T3 là Chang A P bị chết do tai nạn giao thông nhưng lái xe ô tô ông Lê Duy V1 không đến lễ tang động viên, thăm hỏi gia đình nên bị cáo Chang A T3 đã nhờ bị cáo Hàng A T dùng xe ô tô chở quan tài của Chang A P và các vòng hoa đến sân trụ sở xã S, huyện T1, tỉnh L để yêu cầu chính quyền xã S gọi lái xe ông Lê Duy V1 đến giải quyết. Sau đó, các bị cáo đã hô hào mọi người khiêng quan tài lên xe ô tô để bị cáo T chở đến sân trụ sở xã S. Khi đến sân trụ sở xã S, các bị cáo đã hô hào mọi người khiêng quan tài và vòng hoa để trước phòng một cửa của Ủy ban nhân dân xã S. Hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là trong khoảng thời gian từ 15 giờ 32 phút đến 22 giờ 39 phút ngày 25/4/2023 toàn bộ trụ sở xã S gồm 12 người đang làm việc phải dừng toàn bộ công việc đang giải quyết vì không thể hoạt động được. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn làm cuộc họp của bản C2, xã S vào lúc 20 giờ ngày 25/4/2023 tại trụ sở xã S phải hoãn lại do sân trụ sở xã S đông người và các bị cáo đang để quan tài tại sân trụ sở.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong trụ sở xã S, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại Bộ luật hình sự. Tòa án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo để quyết định xử phạt Hàng A T 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là phù hợp, Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T không kháng cáo về tội danh và hình phạt.

[3] Xét kháng cáo đề nghị trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu K1, biển kiểm soát 24H-006.42 là vật chứng của vụ án của của bị cáo Hàng A T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị M:

[3.1] Việc xác định mức bồi thường giữa ông V1 và gia đình Chang A T3, nếu không thỏa thuận được thì gia đình Chang A T3 có quyền yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết. Việc bị cáo chở quan tài đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã để gây rối là vi phạm pháp luật. Phong tục tập quán của địa phương cũng không quy định về trả lại phương tiện phạm tội cho người đồng sở hữu nên quan điểm của luật sư về việc áp dụng phong tục tập quán của địa phương để chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị M: trả lại chiếc xe ô tô cho vợ chồng bị cáo hoặc cân nhắc xem xét đây là trường hợp đặc biệt để áp dụng đấu giá xe trả cho vợ bị cáo - bà Sùng Thị M một nửa giá trị xe, không tịch thu toàn bộ là không có cơ sở.

[3.2] Việc xử lý vật chứng trong vụ án hình sự được quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, trước đó, việc xử lý vật chứng được hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số 06/1998/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BTC ngày 24/10/1998 hướng dẫn một số vấn đề bảo quản, xử lý tài sản là vật chứng, tài sản bị kê biên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự đều quy định: "*Vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy*". Do đó, Tòa án sơ thẩm tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 xe ô tô nhãn hiệu K1, biển kiểm soát Z3 kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu S2, màu đen, loại G là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Kháng cáo yêu cầu trả lại ½ giá trị xe theo phần bà Sùng Thị M của bị cáo Hàng A T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị M là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo bị cáo Hàng A T và người có ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo về xử lý vật chứng của bị cáo Hàng A T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị M, giữ nguyên quyết định về xử lý vật chứng của Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh L như sau:

"3. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 xe ô tô nhãn hiệu K1, biển kiểm soát 24H-006.42 kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu S2, màu đen, loại G.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh L và Cục Thi hành án dân sự tỉnh L vào hồi 15 giờ 15 phút ngày 10/7/2023)".

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hàng A T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị M được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa**

Phạm Đình Khánh **Hoàng Thị Bích Hải** **Lê Thị Mai**

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại H;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Sở Tư pháp tỉnh L;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Người có QLNVLQ (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP, TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mai